| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**<br>Bản án số: **12**/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 24 tháng 7 năm 2025<br>V/v tranh chấp "Ly hôn" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Bé Ba.

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khu vực 1 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 24/3/1985;

Số căn cước công dân: 082085013395 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính ngày về trật tự xã hội cấp ngày 01/4/2022.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh ngày 03/01/1986;

Số căn cước công dân: 082186018706 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính ngày về trật tự xã hội cấp ngày 03/01/2022.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp).

(Vắng mặt anh T và chị D)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***** Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: A và chị Nguyễn Thị Diễm C

sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19/9/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trường K, sinh ngày 28/6/2012. Anh T yêu cầu giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T; giao con chung là Nguyễn Trường K, sinh ngày 28/6/2012 cho anh T nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Ngày 24/5/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Diễm kết H trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập chị D đến Tòa án nhưng chị vắng mặt không có lý do và không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên chị đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2019 nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trường K, sinh ngày 28/6/2012. Anh T yêu cầu giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu K đang sống với anh T và có nguyện vọng tiếp tục sống với anh T, vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý và cuộc sống của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho anh T nuôi dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, anh T có quyền yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên và mức cấp dưỡng anh T yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 83, Điều 110 và diều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Chị D phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D;

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trường K, sinh ngày 28/6/2012 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu chị D chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008742 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên chị đã nộp xong.

Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Thi hành án tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền Ni**